TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 401/2025/HS-PT
Ngày 26 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 268/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Trần Việt T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS-ST ngày 26/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang (Nay là thành phố Cần Thơ).

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Việt T**, sinh ngày 01/01/1953 tại tỉnh Kiên Giang (Nay là tỉnh An Giang); Nơi thường trú: Ấp Hai Tỷ, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (Nay là ấp Hai Tỷ, xã Hòa Thuận, tỉnh An Giang); Nghề nghiệp: Giám đốc; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Tuỷ (Liệt sĩ) và bà Nguyễn Thị Ba (chết); Có vợ tên là Trần Thu Giang và 04 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị tạm giam từ ngày 06/10/2023 đến ngày 27/9/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, vắng mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thế Thịnh, Trưởng Văn phòng luật sư Thịnh Phát thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Hồng Nhàn, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn DL PINNACLE thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt;

Người bị hại có liên quan đến kháng cáo:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn U (Tạm viết tắt là Công ty U);

Địa chỉ: Số 14 đường Ngô Văn Năm, phường Bến Nghé, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của Công ty Uniland: Ông Lê Văn T[1], Chủ tịch Hội đồng quản trị – Vắng mặt;

- Công ty Cổ phần Công nghệ xây lắp Hải Đ (Tạm viết tắt là Công ty Hải Đ); Địa chỉ: D66, Đường số 8, khu dân cư Nông thổ sản, phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ;

Người đại diện hợp pháp của Công ty Hải Đăng: Ông Lê Minh K, Chủ tịch Hội đồng quản trị – Vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1963 – Vắng mặt;

Địa chỉ: A1-23, khu vực Thạnh Lợi, phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo: Ông Lê Thiên C, sinh năm 1984 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 251/1, Ấp 3, xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người tham gia tố tụng khác: Ông Lê Công C[1], Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hậu Giang (nay là Công an thành phố Cần Thơ) – Có mặt;

Ngoài ra còn có 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Việt T là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Việt T (sau đây viết tắt là Công ty Việt T). Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp ban hành Văn bản số 352/UBND ngày 06/5/2011 thống nhất giao cho Công ty Việt T đầu tư Dự án Khu dân cư - Thương mại Chợ Cầu Móng, xã Hòa An, huyện Phụng

Hiệp, tỉnh Hậu Giang *(Sau đây viết tắt là Dự án)*. Ngày 09/4/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang cấp Giấy chứng nhận đầu tư Dự án trên diện tích 34.829 m^2 với tổng vốn đầu tư là 54.151.893.009 đồng. Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 03/6/2014 giao đất Đợt 1 cho Công ty Việt Thắng diện tích 17.866,7 m^2, nhưng Công ty Việt T chỉ thực hiện nghĩa vụ tài chính 8.232,4 m^2 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần diện tích còn lại Công ty Việt T chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính do không có khả năng tài chính. Vào ngày 14/8/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 1363/QĐ-UBND về việc chấm dứt hoạt động đầu tư, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư (Bút lục 1530) đồng thời cho chủ trương chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bán tài sản gắn liền với đất của Dự án.

Trong quá trình đầu tư, Công ty Việt T ký hợp đồng góp vốn và hợp tác với nhiều công ty và các cá nhân để thực hiện Dự án, đã xảy ra tranh chấp dân sự với Công ty Vạn T, Công ty Đức A và một số cá nhân góp vốn. Trong thời gian chờ Tòa án giải quyết các tranh chấp này, từ năm 2020 đến năm 2023, Trần Việt T đã bán Dự án cho nhiều công ty, cá nhân và kêu gọi nhiều cá nhân góp vốn vào Công ty Việt T để thực hiện Dự án. Cụ thể như sau:

1. Đối với Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Uniland (viết tắt là Công ty Uniland):

Đầu năm 2020, Trần Việt T nhờ ông Trần Hữu Đ môi giới gặp anh Lê Thiên C là nhân viên Công ty U đưa T đến gặp ông Lê Văn T^1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty U. T đề nghị bán Dự án với số tiền 35 tỷ đồng, do không biết Dự án đã bị thu hồi chủ trương đầu tư nên ông T^1 đồng ý mua Dự án với điều kiện Công ty U trở thành thành viên góp vốn vào Công ty Việt T với tỷ lệ 95% cổ phần để tiếp tục đầu tư Dự án. T và T^1 ký hồ sơ thay đổi (lần thứ 13) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Việt T, được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang chứng nhận Công ty U chiếm tỷ lệ 95% cổ phần (giá trị 19.000.000.000 đồng) và Trần Việt T chiếm tỷ lệ 05% cổ phần (giá trị 1.000.000.000 đồng). Từ tháng 8/2020 đến tháng 3/2021, Công ty U nhiều lần chuyển khoản và đưa tiền mặt cho T tổng cộng 5.248.000.000 đồng để mua Dự án bằng cách góp vốn vào Công ty Việt T. Theo thỏa thuận, sau khi Tòa án xét xử, hoàn tất các thủ tục pháp lý sẽ bàn giao Dự án cho Công ty U, nhưng T không thực hiện theo thỏa thuận trên, mà tự ý lập hồ sơ chuyển nhượng cổ phần của Công ty U trong Công ty Việt T sang cho cá nhân và con của T (tên là Trần Việt T^2) bằng cách thuê người giả mạo chữ ký của ông T^1 và giả con dấu của Công ty U để lập 02 hợp đồng cùng ngày 16/5/2021 có nội dung chuyển nhượng cổ phần của Công ty U cho Trần Việt T^2 32,5% vốn điều lệ trị giá 6.500.000.000 đồng và cho T 62,5 % vốn điều lệ trị giá 12.500.000.000 đồng. Sau đó T thuê bà

Phạm Thị V đăng ký thay đổi (lần thứ 14) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Việt T, được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/5/2021, qua đó T chiếm đoạt của Công ty U 5.248.000.000 đồng.

Sau khi có Bản án phúc thẩm kết quả Công ty Việt T thắng kiện các vụ tranh chấp dân sự, T không thực hiện theo thỏa thuận với ông T[1] mà T tiếp tục bán Dự án KDC-TM Chợ Cầu Móng cho công ty khác, ông T[1] biết được nên tìm hiểu thì được biết ông không ký chuyển nhượng cổ phần của Công ty U tại Công ty Việt T cho T[2] và T, nhưng trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Việt T thay đổi lần thứ 14 thì Công ty U không còn là thành viên góp vốn, nên ông T[1] đại diện Công ty U có đơn tố cáo.

2. Đối với ông Nguyễn Văn P:

Đầu năm 2021, T nhờ ông Nguyễn Duy T[4] giới thiệu T đến gặp ông Nguyễn Văn P. T nói với ông P là Dự án KDC-TM Chợ Cầu Móng do Công ty Việt T làm chủ đầu tư diện tích khoảng 03 ha, đã giải phóng mặt bằng khoảng 90% nhưng hiện tại không còn khả năng thực hiện, muốn bán lại để thu hồi vốn và chi trả cho những người đã góp vốn, trả cho các hộ dân còn lại để giải phóng mặt bằng, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Việt T, đang thế chấp ngân hàng. Sau khi xem bản vẽ thiết kế dự án và khảo sát thực tế thì ông P đồng ý mua dự án giá 35 tỷ đồng. Ngày 05/3/2021, tại Công ty Thiện P có chứng kiến của ông T[4], T và P đã ký hợp đồng số 01/21.HĐ.TTCN mua bán Dự án và ông P chuyển cho T tiền đặt cọc đợt 1 là 2.000.000.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng, ông P nhiều lần yêu cầu T bàn giao Dự án nhưng T viện lý do còn vướng thủ tục pháp lý để trì hoãn. Khoảng 01 năm sau thì ông P biết Dự án đang tranh chấp nội bộ, chờ Toà án giải quyết. Trong thời gian này, ông P cho T mượn 500.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn 01 tháng. Sau khi Toà án xử Công ty Việt T thắng kiện các vụ tranh chấp dân sự, T không giao Dự án cho ông P để thực hiện xây dựng với lý do chờ thi hành án. Ngày 24/02/2023, ông P cho T mượn thêm 50.000.000 đồng. Cho đến nay, T vẫn không bàn giao Dự án cho ông P, qua đó T chiếm đoạt của ông P 2.000.000.000 đồng.

3. Đối với Công ty Cổ phần Công nghệ xây lắp Hải Đ (Sau đây viết tắt Công ty Hải Đ):

T thông tin cho ông Lê Minh K là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Hải Đ biết Dự án đang tranh chấp với Công ty Vạn T đang chờ Toà án cấp giám đốc thẩm giải quyết, Dự án đã bồi thường ½ diện tích, Công ty Việt T được cấp 15 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Công ty Đức A đang giữ 15 Giấy chứng nhận; T không cho ông K biết Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang đã có văn bản

chấm dứt chủ trương đầu tư Dự án. Sau khi xem 02 bản án sơ thẩm, phúc thẩm do T đưa và đi khảo sát thực tế thì ông K soạn hợp đồng mua bán Dự án với giá mua Dự án là 45.000.000.000 đồng nhưng T không ký mà chờ kết quả giám đốc thẩm. Trong thời gian chờ Toà án giải quyết giám đốc thẩm thì vào ngày 14/9/2022 và ngày 11/11/2022 ông K chuyển cho T tiền mua Dự án là 340.000.000 đồng. Sau khi Toà án xử Công ty Việt T thắng kiện, trong các ngày 04/01/2023, 05/01/2023, 11/01/2023 và ngày 10/3/2023 ông K chuyển cho T tổng cộng là 980.000.000 đồng.

Đến giai đoạn thi hành án, do Cơ quan có thẩm quyền cho Công ty Việt T thanh lý tài sản trên đất Dự án và Dự án chưa được bồi thường hết nên ông K và T thoả thuận lại việc mua bán Dự án thống nhất là bán cho ông K giá 30.000.000.000 đồng, thanh toán thành 03 lần, mỗi lần 10.000.000.000 đồng; số tiền ông K đã đưa 1.320.000.000 đồng sẽ khấu trừ vào lần thanh toán thứ Hai. Sau khi soạn thảo xong hợp đồng thì T không ký hợp đồng vì cho rằng còn thiếu thành viên Công ty Việt T là anh T[2] và kêu ông K chuyển thêm tiền, nhưng ông K không chuyển tiền thêm mà yêu cầu T ký xong hợp đồng mới chuyển. Đến ngày 06/10/2023 thì T bị bắt. Số tiền T chiếm đoạt của Công ty Hải Đ là 1.320.000.000 đồng.

4. Đối với ông Bùi Thọ S:

Khoảng giữa năm 2020, T mời ông Bùi Thọ S tham gia góp vốn để thực thực hiện Dự án KDC-TM Chợ Cầu Móng và cung cấp hồ sơ Dự án cho ông S nghiên cứu thì ông S biết Dự án đang có tranh chấp với Công ty Vạn T và Công ty Đức A đang chờ Toà án giải quyết, Uỷ ban nhân dân tỉnh Hậu Giang có văn bản thu hồi chủ trương đầu tư, yêu cầu Công ty Việt T thanh lý tài sản trên đất và T đã bán đất Dự án cho Công ty Đức A khoảng hơn 8.000.000.000 đồng nhưng Công ty Đức A chưa trả đủ tiền. Ông S vẫn đồng ý góp vốn vào Công ty Việt T để thực hiện Dự án. Ông S đại diện cho Công ty Cổ phần VN thoả thuận thống nhất với T là Công ty Cổ phần VN góp 90% cổ phần, T góp 10% cổ phần vào Công ty Việt T, ông S làm Chủ tịch Hội đồng quản trị còn T làm Giám đốc Công ty Việt T. Vào ngày 20/7/2020 và ngày 06/01/2021 ông S chuyển cho T tiền đặt cọc là 200.000.000 đồng, đến ngày 19/5/2021, ông S đại diện Công ty Cổ phần VN ký hợp đồng nhận chuyển nhượng của T 57,5% vốn điều lệ = 11.500.000.000 đồng và nhận chuyển nhượng của anh T[2] 32,5% vốn điều lệ = 6.500.000.000 đồng. Sau đó, Công ty Việt T được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 21/5/2021.

Do Công ty Cổ phần VN không đủ năng lực tài chính nên ông S và T thoả thuận lại thống nhất chuyển cổ phần của Công ty Cổ phần VN cho 03 người gồm: T 10%, ông Lê Minh Đ[1] 15%, bà Nguyễn Thị Hoài T[5] (vợ ông S) 65%, bà

T[5] chỉ đứng tên trên giấy tờ còn việc góp vốn do ông S thực hiện, tổng số tiền ông S chuyển cho T trước đây chuyển qua tính vào phần tiền vốn góp của bà T[5]. Ngày 16/10/2021, ông S đại diện Công ty Cổ phần VN ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp theo thoả thuận trên và Công ty Việt T được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 18/10/2021. Sau đó ông S chuyển tiền cho T nhiều lần, tính đến cuối năm 2022 tổng cộng là 3.090.000.000 đồng. Sau khi Toà án xử Công ty Việt T thắng kiện, T nhiều lần yêu cầu ông S chuyển tiền để thi hành án nhưng ông S không còn khả năng nên đã thoả thuận cho T bán Dự án cho người khác rồi chia tiền theo tỷ lệ cổ phần hoặc trả cho ông S ít nhất là 6.000.000.000 đồng, rút cổ phần của bà T[5] ra, khi nào bán được Dự án thì trả tiền cho ông S. Sau đó, T không thông báo cho ông S biết mà tự ý giả mạo chữ ký của bà T[5] trong hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 03/9/2022. Số tiền T chiếm đoạt của ông Bùi Thọ S là 3.090.000.000 đồng.

5. Đối với ông Trần Hữu Đ:

Khoảng năm 2020, trong quá trình môi giới cho T bán Dự án cho Công ty U, ông Đ có bỏ ra 1.200.000.000 đồng để chuộc 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện Dự án. Ông Đ thống nhất chuyển số tiền 1.200.000.000 đồng để góp vốn vào Công ty Việt T, nhưng sau khi Công ty Việt T thắng kiện, T không giao Dự án cho Công ty U mà bán Dự án cho người khác, chiếm đoạt của ông Đ 1.200.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 611/KL-KTHS ngày 20/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hậu Giang kết luận: Chữ ký mang tên ông Lê Văn T[1] và hình dấu tròn Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư U trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký của ông Lê Văn T[1] và hình dấu tròn Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư U trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M2 không phải do cùng một người ký ra và không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại Bản cáo trạng số 23/CT-VKSHG-P1 ngày 18/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang đã truy tố bị cáo Trần Việt T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Đối với Trần Việt T[2] không tham gia vào hoạt động của Công ty Việt T, hoàn toàn không biết việc T đưa T[2] vào làm thành viên Công ty, nên không có cơ sở xử lý.

Bà Phạm Thị V soạn thảo hồ sơ và làm thủ tục xin thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Việt T lần thứ 14 nhưng bà V không biết việc T thuê người làm giả chữ ký ông T[1] và giả con dấu Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư U, nên không có cơ sở xử lý.

Tại phiên toà sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang rút quyết định truy tố hành vi của bị cáo Trần Việt T đối với ông Bùi Thọ S và ông Trần Hữu Đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS-ST ngày 26/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

Căn cứ các Điều 268, 269, 292, 293, 298, 325 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Trần Việt T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";*

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Việt T 12 *(Mười hai)* năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";*

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Việt T 02 *(Hai)* năm tù về tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";*

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt chung bị cáo Trần Việt T phải chấp hành cho cả 02 tội là 14 *(Mười bốn)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 06/10/2023 đến ngày 27/9/2024.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều: 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo Trần Việt T phải có trách nhiệm trả lại cho các bị hại:

- Công ty Cổ phần tập đoàn U số tiền 5.248.000.000 đồng

- Ông Nguyễn Văn P số tiền 2.550.000.000 đồng

- Công ty Cổ phần Công nghệ Xây lắp Hải Đ số tiền 1.320.000.000 đồng

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/3/2025, bị cáo Trần Việt T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Trần Việt T nộp đơn xin xem xét có nội dung kêu oan đối với tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* với lý do bị cáo không có bán dự án cho Công ty U, số tiền bị cáo nhận của ông Lê Thiên C chỉ có 2.500.000.000 đồng, không phải là 5.200.000.000 đồng và số tiền này là bị cáo vay cá nhân, không liên quan đến Công ty U vì người đại diện theo pháp luật của Công ty U là ông Lê Văn T[1], không phải là ông C; Bị cáo không có ký hợp đồng bán dự án cho ông Lê Minh K, số tiền bị cáo chuyển cho ông K không phải là tiền đặt cọc dự án, mà là ông K thanh toán tiền bị cáo thực hiện công trình thay cho ông K; Việc ký hợp đồng với ông Nguyễn Văn P là chuyển nhượng quyền sử dụng đất có điều kiện, trường hợp không thực hiện được thì bị cáo sẽ trả lại tiền gốc và tiền lãi là 10%, nên bị cáo không phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Hội đồng xét xử công bố đơn kháng cáo ghi ngày 11/3/2025 và Đơn xin xem xét ngày 08/8/2025 của bị cáo Trần Việt T;

Điều tra viên Lê Công C[1] trình bày các chứng cứ chứng minh bị cáo Trần Việt T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và nhận của Công ty U thông qua người đại diện theo pháp luật là ông Lê Văn T[1] và người được ông T[1] ủy quyền là ông Lê Thiên C tổng cộng 5.248.000.000 đồng đều được thu thập đủ trong hồ sơ vụ án và quá trình điều tra bị cáo đã thừa nhận.

Luật sư Nguyễn Thế Thịnh đề nghị xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã thành khẩn khai báo, bồi thường một phần thiệt hại, cha ruột và cha vợ là liệt sĩ, bị cáo trên 70 tuổi nên đề nghị xem xét đơn xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; Còn việc bị cáo kêu oan thì do bị cáo không có mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất, làm rõ nên luật sư không có ý kiến đối với đơn xin xem xét ngày 08/8/2025 của bị cáo.

Luật sư Nguyễn Hồng Nhàn thống nhất ý kiến của luật sư đồng nghiệp, đề nghị xem xét bị cáo cũng đã cao tuổi nên khoan hồng cho bị cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hình

sự; Đơn kháng cáo hợp lệ, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm; Bị cáo đã vắng mặt nhiều lần nên đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo; Về nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Trần Việt T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đã quyết định hình phạt đối với bị cáo là tương xứng nên đề nghị bác kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Việt T đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Phiên tòa được triệu tập hợp lệ nhiều lần, bị cáo Trần Việt T đã xin hoãn phiên tòa ngày 19/6/2025 và phiên tòa hôm nay ngày 26/9/2025 bị cáo Trần Việt T vắng mặt và Luật sư Nguyễn Thế Thịnh có đơn xin hoãn phiên tòa vì lý do sức khỏe của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, luật sư Nguyễn Thế Thịnh và luật sư bào chữa chỉ định Nguyễn Hồng Nhàn có mặt tại phiên tòa, do đó quyền được bào chữa của bị cáo Trần Việt T vẫn được bảo đảm; Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng sự vắng mặt của họ không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, không gây trở ngại cho việc xét xử, nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt bị cáo.

[2] Tại Biên bản đối chất lúc 15 giờ 40 phút ngày 09/8/2023 (bút lục số 118, 119) giữa bị cáo Trần Việt T với ông Lê Văn T[1] (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty U), sau khi nghe ông T[1] trình bày: *" ... Tôi đại diện cho công ty U gặp trực tiếp ông T đại diện cho Công Việt T thỏa thuận mua bán dự án Khu dân cư thương mại chợ Cầu Móng, ông T đồng ý bán cho công ty tôi với số tiền là 35 tỷ đồng với điều kiện là công ty của ông T chuyển nhượng cho công ty tôi 95% theo vốn điều lệ của công ty Việt T, ông T giữ 05% theo vốn điều lệ và giữ chức vụ là giám đốc, giữ con dấu của công ty Việt T, thỏa thuận thanh toán tiền theo từng giai đoạn, khi nào thủ tục pháp lý của dự án xong thì công ty tôi sẽ thanh toán đủ cho công ty ông T. Hai bên thống nhất thực hiện, tôi giao cho Lê Thiên C thực hiện giao dịch tiền với công ty ông T nhiều lần để mua dự án, sau đó ông C có báo lại cho tôi là đã chuyển cho ông T khoảng 05 tỷ đồng để mua*

dự án ...” thì bị cáo Trần Việt T trình bày: *“Tôi nghe rất rõ nội dung trả lời của ông Lê Văn T[1]. Nội dung trả lời của ông T[1] là đúng”.*

Tại Biên nhận nhận tiền ngày 19/9/2020 (Bút lục số 21, 22), bị cáo Trần Việt T đã ghi: *“Tôi Trần Việt T, SN 1953 CMNDS 370459290-CA Kiên Giang là đại diện pháp luật Cty TNHH Việt T -> có nhận của ông Lê Văn T[1] số tiền đợt 1 là 1.150.000.000 đ (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) Đợt II: 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) Theo thỏa thuận mua bán dự án chợ cầu móng và chuyển nhượng cổ phần cty TNHH Việt T -> Tôi cam kết về phần pháp lý tôi sẽ hoàn thành sớm nhất để dự án được triển khai. Tôi cam kết về pháp lý đúng những gì đã trao đổi”.*

Theo các bảng kê giao dịch của các ngân hàng (Bút lục từ 1876 đến 2097) thể hiện bị cáo đã nhận của ông Lê Thiên C chuyển khoản từ ngày 22/8/2020 đến ngày 04/02/2021 là 11 lần với số tiền 2.098.000.000 đồng; Tại Biên nhận nhận tiền (Bút lục số 21, 22) bị cáo đã nhận của ông Lê Văn T[1] 02 đợt là 1.750.000.000 đồng; Ông Lê Thiên C trình bày ngoài ra vào ngày 27/8/2020 có đưa cho bị cáo 400.000.000 đồng (có ảnh chụp T để tiền vào cốp xe máy tại OCB Hậu Giang); Mượn tiền của ông Trần Cảnh H chuyển khoản từ tài khoản của ông H nộp vào tài khoản của bị cáo số 070069742880 mở tại Sacombank Kiên Giang (Bút lục 626 đến 632) là 200.000.000 đồng; 01 lần đưa tiền mặt cho bị cáo nhận 500.000.000 đồng có người làm chứng Võ Bá C[5] chứng kiến và 01 lần đưa tiền mặt 300.000.000 đồng gần Chi cục thuế Giồng Riềng (Có ảnh chụp kèm theo). Tổng cộng các khoản là 5.248.000.000 đồng.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 09/3/2024 (Bút lục số 377, 378), ông Võ Bá C[5] trình bày: *“Tôi ... nhậu cùng với ông C, ông T, ông Trần Hữu Đ, ông H. Tại đây tôi thấy ông H có cho ông C mượn tiền mặt là 500.000.000 đồng để ông C đưa cho ông T nói là tiền mua dự án chợ Cầu Móng gì đó. Lúc đó ông T nhận tiền không có biết biên nhận của ông C nhưng tất cả chúng tôi đều thấy, nhận tiền xong ông T còn ở lại nhậu với chúng tôi.”*

Tại Biên bản đối chất lúc 17 giờ 40 phút ngày 09/8/2023 (bút lục số 116, 117, 118) bị cáo Trần Việt T không thừa nhận đã nhận của ông Lê Thiên C khoảng 06 tỷ đồng, mà bị cáo chỉ nhận của ông C chuyển khoản 1,65 tỷ đồng và 200.000.000 đồng tiền mặt và có ký Biên nhận số tiền 1,75 tỷ đồng và *“Hiện tại tôi không có đưa ra chứng cứ gì để chứng minh lời trình bày của tôi là đúng sự thật”.*

Tuy nhiên đến tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/02/2025 (Bút lục số 2424), khi Chủ tọa phiên tòa hỏi: *“Sau khi thỏa thuận đã nhận bao nhiêu tiền của công ty U?”* thì bị cáo Trần Việt T trả lời: *“5.248.000.000 đồng”.*

Các chứng cứ trên đã chứng tỏ bị cáo đại diện Công ty TNHH Việt T bán dự án Chợ Cầu Móng cho ông Lê Văn T[1] và bị cáo đã nhận của ông T[1] và ông C tổng cộng là 5.248.000.000 đồng, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo đối với nội dung liên quan đến Công ty U.

[3] Tại Biên bản hỏi cung ngày 26/4/2024 (Bút lục 253, 254, 255) bị cáo Trần Việt T khai: *"Vào năm 2021 tôi có ký hợp đồng nguyên tắc với ông Nguyễn Văn P (không có thông qua giới thiệu của ai) chuyển nhượng dự án Khu dân cư thương mại Chợ Cầu Móng cho cá nhân ông P, giá trị hợp đồng bao nhiêu thì tôi không nhớ, khi ký hợp đồng thì cá nhân ông P ký, còn tôi ký hợp đồng với tư cách là đại diện Công ty Việt T, ngay sau khi ký hợp đồng ông P có chuyển tiền vào tài khoản của Công ty Việt T để đặt cọc số tiền là 02 tỷ đồng. Sau đó ông P có chuyển cho tôi mượn thêm số tiền là 550.000.000 đồng"*

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 17/4/2024 (Bút lục 431, 432, 433), ông Nguyễn Văn P trình bày: *"Tôi và ông T thống nhất với nhau là ký kết hợp đồng mua bán dự án, hợp đồng có tiêu đề là "Hợp đồng thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất"... Khi thỏa thuận mua bán dự án, ông T không có nói cho tôi biết là dự án Cầu Móng đang tranh chấp với công ty khác, chờ Tòa giải quyết và ông T cũng không nói cho tôi biết là dự án đã bị thu hồi chủ trương đầu tư đối với Công ty Việt T.... từ trước đến nay tôi không biết và tin tưởng rằng dự án có đầy đủ thủ tục pháp lý để thực hiện. Ông T giấu tôi và không cho tôi biết gì về dự án đã bị thu hồi chủ trương đầu tư ...Nếu biết là tôi không mua dự án".*

Lời khai trên của bị cáo phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Văn P, đã chứng tỏ bị cáo bán dự án Chợ Cầu Móng cho ông Nguyễn Văn P và khi bán, bị cáo không cho ông P biết dự án đã bị thu hồi chủ trương đầu tư đối với Công ty Việt T, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo đối với nội dung liên quan đến ông Nguyễn Văn P.

[4] Tại Biên bản hỏi cung ngày 26/4/2024 (Bút lục 254) bị cáo đã khai ông K cho bị cáo mượn khoảng 01 tỷ đồng, nhưng nay bị cáo kháng cáo cho rằng số tiền ông K chuyển khoản cho bị cáo là để làm công trình, nhưng tại Biên bản ghi lời khai ngày 06/4/2024, ngày 25/4/2024 (Bút lục 407 đến 411) ông Lê Minh K trình bày từ trước đến nay giữa công ty ông với công ty ông T không có hợp tác kinh doanh chung với nhau mà là bị cáo thỏa thuận bán dự án Chợ Cầu Móng cho ông K, khi thỏa thuận bị cáo không cho ông K biết dự án đã bị thu hồi chủ trương đầu tư đối với Công ty Việt T, bị cáo đề nghị được ứng trước chi phí bán dự án nên từ ngày 14/9/2022 đến ngày 10/3/2023 ông K đã 06 lần chuyển tiền cho bị cáo với tổng số tiền là 1.320.000.000 đồng, nhưng khi ông K soạn thảo hợp đồng mua bán dự án thì bị cáo không đồng ý ký tên với nhiều lý do.

Lời khai của bị cáo là bất nhất về số tiền 1.320.000.000 đồng mà ông K đã chuyển cho bị cáo từ ngày 14/9/2022 đến ngày 10/3/2023, khi thì cho là ông K cho mượn, khi thì cho rằng tiền công trình nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh giữa cá nhân bị cáo hoặc Công ty Việt T với cá nhân ông K hoặc Công ty Cổ phần Công nghệ Xây lắp Hải Đ có giao dịch kinh doanh gì khác ngoài việc mua bán dự án Khu dân cư thương mại Chợ Cầu Móng. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo đối với nội dung liên quan đến ông Lê Minh K.

[5] Mặc dù trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt sang kêu oan đối với tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, nhưng lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị hại, lời khai của những người làm chứng, phù hợp Kết luận giám định con dấu, chữ ký cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định: Mặc dù đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang chấm dứt hoạt động đầu tư và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư Dự án kể từ ngày 14/8/2017, nhưng trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2023, bị cáo Trần Việt T đưa ra thông tin gian dối vẫn đang là chủ đầu tư Dự án để chuyển nhượng Dự án cho nhiều người, qua đó chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn P 2.000.000.000 đồng và chiếm đoạt của Công ty Hải Đ 1.320.000.000 đồng; đồng thời bị cáo còn thuê người giả chữ ký của ông Lê Văn T[1] và giả con dấu của Công ty U để chiếm đoạt của Công ty U 5.248.000.000 đồng; Tổng cộng đã chiếm đoạt 8.568.000.000 đồng; Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Việt T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội *"Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, làm ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư, kinh doanh tại địa phương.

Bản án sơ thẩm đã cân nhắc bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là phạm tội từ 02 lần trở lên và có nhiều tình tiết giảm nhẹ là: Thành khẩn khai báo, có cha ruột và cha vợ đều là liệt sĩ, bị cáo là người trên 70 tuổi đang mắc nhiều bệnh nên đã xử phạt bị cáo 12 năm tù là mức thấp nhất của khung hình phạt đối với tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và 02 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với tội *"Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* đã là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ

mới, nên không có cơ sở để chấp nhận lời bào chữa của các luật sư về việc đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, nhưng vì bị cáo là người cao tuổi nên được miễn;

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Việt T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2025/HS-ST ngày 26/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang;

2.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; Các điểm o, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Việt T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và phạm tội *"Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức"*;

Xử phạt bị cáo Trần Việt T 12 *(Mười hai)* năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và 02 *(Hai)* năm tù về tội *"Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức"*. Tổng hợp hình phạt, bị cáo **Trần Việt T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 14 (*Mười bốn)* năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án và được khấu trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 06/10/2023 đến ngày 27/9/2024.

2.2. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều: 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Trần Việt T hoàn trả cho các bị hại như sau:

- Công ty Cổ phần tập đoàn U số tiền 5.248.000.000 đồng (Năm tỷ hai trăm bốn mươi tám triệu đồng);

- Ông Nguyễn Văn P số tiền 2.550.000.000 đồng (Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng);

- Công ty Cổ phần Công nghệ Xây lắp Hải Đ số tiền 1.320.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng);

3. Bị cáo Trần Việt T được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án; về trách nhiệm do chậm thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát XXPT Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Cần Thơ;
- Công an thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VP (TPQ-18b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công